ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHỤNG CÔNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 697/QĐ-UBND	*Phụng Công, ngày 11 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Thượng, xã Phụng Công

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHỤNG CÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 về Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 210/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về hợp đồng xây dựng; số 212/2026/NĐ-CP về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 về Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 38/2026/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND xã Phụng Công về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn xã Phụng Công năm 2026;

Xét đề nghị tại tờ trinh số 73/TTr-BQLDA ngày 07/8/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Phụng Công; Thông báo số 19/TB-KT ngày 11/8/2026 của Phòng Kinh tế xã về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Thượng, xã Phụng Công.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Thượng, xã Phụng Công với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Thượng, xã Phụng Công.

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm dự án: Nhóm C
- Loại công trình: Công trình giao thông
- Cấp công trình: Cấp IV
- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: 15 năm

3. Địa điểm xây dựng dự án; điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế; diện tích sử dụng đất của dự án:

- Địa điểm xây dựng dự án: xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên
- Hướng tuyến:

STT	Tên tuyến	Điểm đầu tuyến	Điểm cuối tuyến	C.dài (m)
1	Tuyến 1	Nhà ông Vị	Nhà ông Phán	85,3
2	Tuyến 2	Nhà ông Quang	Nhà ông Lậm	67,3
3	Tuyến 3	Nhà ông Hợi	Nhà ông Hoa	112,9
4	Tuyến 3 nhánh	Nhà ông Dư	Nhà bà Tá	24,4
5	Tuyến 4	Nhà ông Muôn	Nhà ông Dụ	58,2
6	Tuyến 5	Nhà ông Kẻ	Nhà ông Bình	100,9
7	Tuyến 6	Nhà ông Kẻ	Nhà ông Thực	36,3
8	Tuyến 7	Nhà ông Dương	Nhà ông Nhạc	69,4
9	Tuyến 8	Nhà ông Kịch	Nhà ông Lộc	154,3
10	Tuyến 9	Nhà ông Hiệp	Nhà văn hóa thôn	145,4
11	Tuyến 9 nhánh	Nhà ông Ấn	Nhà ông Kim	62,8
12	Tuyến 10	Nhà văn hóa thôn	Nhà bà Kén	80,9
13	Tuyến 10 nhánh	Nhà ông Quế	Nhà ông Lan	62,2
14	Tuyến 11	Nhà ông Căn	Nhà ông Liên	77,9
15	Tuyến 11 nhánh 1	Nhà bà Bút	Nhà ông Kế	94,7
16	Tuyến 11 nhánh 2	Nhà bà Nhung	Nhà ông Hùng	28,7
17	Tuyến 12	Nhà ông Hậu	Nhà ông Cách	111,8
18	Tuyến 12 nhánh	Nhà ông Lan	Nhà ông Chiến	29,5
19	Tuyến 13	Nhà ông Tỵ	Nhà ông Kế	35,3

STT	Tên tuyến	Điểm đầu tuyến	Điểm cuối tuyến	C.dài (m)
20	Tuyến 13 nhánh	Nhà ông Việt	Nhà ông Thắng	39,6
21	Tuyến 14	Nhà ông Kiên	Nhà ông Tuệ	27,7
22	Tuyến 15	nhà ông Nhã	Nhà ông Nam	35,2
23	Tuyến 16	Nhà ông Chuyến	Nhà ông Nhẫn	49
24	Tuyến 17	Nhà ông Lành	Nhà ông Tụ	37,9
25	Tuyến 18	Nhà ông Tỵ	Nhà ông Hải	46,6
26	Tuyến 19	Nhà ông Trường	Nhà ông Ba	96,4
27	Tuyến 20	Nhà ông Kiên	Nhà ông Tâm	79,7
28	Tuyến 21	Nhà ông Hào	Nhà ông Khanh	118,6
29	Tuyến 22	Nhà bà Hoạt	Nhà bà Thức	18,3
30	Tuyến 23	Nhà ông Năng	Nhà bà Nghiêm	18,1

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Phụng Công

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Phụng Công

6. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; nhà thầu khảo sát xây dựng; nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:

- Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công: Công ty Cổ phần xây dựng NT89; Mã số doanh nghiệp: 0901026081

- Nhà thầu khảo sát địa hình: Công ty Cổ phần xây dựng NT89; Mã số doanh nghiệp: 0901026081

- Nhà thầu thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư xây dựng Art Deco ; Mã số doanh nghiệp: 0109041029

7. Mục tiêu dự án: Xây dựng công trình nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống mạng lưới đường giao thông, thoát nước và xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, từng bước tạo ra tuyến đường giao thông có hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh đảm bảo giao thông hàng hóa và đi lại của nhân dân, đồng thời tạo ra một không gian cảnh quan mới làm thay đổi diện mạo thôn 5, thôn 10 nói riêng và xã Phụng Công nói chung.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

8.1. Quy mô đầu tư xây dựng.

- Đầu tư Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Thượng, xã Phụng Công. Chiều dài tuyến L=2005,3m, thuộc địa phận xã Phụng Công. Các hạng mục đầu

tư chính bao gồm:

+ Thiết kế mới mặt đường bê tông nhựa.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước.

+ Xây dựng vạch sơn an toàn giao thông.

8.2. Các giải pháp kỹ thuật chính.

a) Thiết kế bình đồ:

- Hướng tuyến bám sát tuyến đường hiện trạng.

- Cao độ thiết kế phù hợp với cao độ quy hoạch chung của khu vực, đảm bảo cao độ tại các điểm khống chế.

- Khớp nối cao độ mặt đường tại các vị trí đấu nối với các tuyến đường hiện hữu đảm bảo xe chạy được êm thuận và vuốt nối với các đường ngang êm thuận.

b) Thiết kế trắc dọc:

- Trắc dọc tuyến đường: Trắc dọc được thiết kế trên nguyên tắc kết hợp hài hòa giữa các yếu tố bằng và các yếu tố đứng, phù hợp với các điểm khống chế và các công trình xây dựng trên tuyến, đảm bảo chiều dầy kết cấu tăng cường, êm thuận toàn tuyến.

c)Thiết kế trắc ngang:

- Tuyến 1, tuyến 3 nhánh 1, tuyến 5 - tuyến 8, tuyến 9 nhánh, tuyến 10, tuyến 11 nhánh 2, tuyến 14: Thiết kế bề rộng mặt đường theo hiện trạng đến sát tường rào hai bên nhà dân Bmặt=1,8÷3,5m, độ dốc ngang mặt đường 1 mái imặt = 2%. Thiết kế rãnh U400 bên phải tuyến và đi ngầm dưới mặt đường.

- Tuyến 2, tuyến 3, tuyến 4, tuyến 10 nhánh, tuyến 11, tuyến 11 nhánh 1, tuyến 12, tuyến 12 nhánh, tuyến 13, tuyến 13 nhánh, tuyến 15, tuyến 18, tuyến 19, tuyến 20, tuyến 22, tuyến 23: Thiết kế bề rộng mặt đường theo hiện trạng đến sát tường rào hai bên nhà dân Bmặt=1,8÷3,5m, độ dốc ngang mặt đường 1 mái imặt = 2%. Thiết kế rãnh U400 bên trái tuyến và đi ngầm dưới mặt đường.

- Tuyến 9: Từ Km0+0,0 – Km0+18,0: Thiết kế bề rộng mặt đường theo hiện trạng đến sát tường rào hai bên nhà dân Bmặt=3,0÷3,2m, độ dốc ngang mặt đường 1 mái imặt = 2%. Thiết kế rãnh U800 bên phải tuyến và đi ngầm dưới mặt đường. Từ Km0+0,18 – Km0+145,4: Thiết kế bề rộng mặt đường theo hiện trạng đến sát tường rào hai bên nhà dân Bmặt=2,3÷2,8m, độ dốc ngang mặt đường 1 mái imặt = 2%. Thiết kế rãnh U400 bên phải tuyến và đi ngầm dưới mặt đường.

- Tuyến 16: Từ Km0+0,0 – Km0+32,0: Thiết kế bề rộng mặt đường theo

hiện trạng đến sát tường rào hai bên nhà dân Bmặt=2,7÷4,0m, độ dốc ngang mặt đường 1 mái imặt = 2%. Thiết kế rãnh B400 bên trái tuyến và đi ngầm dưới mặt đường. Từ Km0+32,0 – Km0+49,0: Thiết kế bề rộng mặt đường theo hiện trạng đến sát tường rào hai bên nhà dân Bmặt=4,0÷4,5m, độ dốc ngang mặt đường 1 mái imặt = 2%.

- Tuyến 17: Thiết kế bề rộng mặt đường theo hiện trạng đến sát tường rào hai bên nhà dân Bmặt=3,5÷4,0m, độ dốc ngang mặt đường 1 mái imặt = 2%.

- Tuyến 21: Thiết kế bề rộng mặt đường theo hiện trạng đến sát tường rào hai bên nhà dân Bmặt=4,2÷5,0m, độ dốc ngang mặt đường 2 mái imặt = 2%. Thiết kế rãnh B600 bên phải tuyến và đi ngầm dưới mặt đường.

d) Nền đường:

- Đắp trả móng cống, rãnh và trong lòng đường giao thông đảm bảo độ chặt K≥0,95.

e)Thiết kế kết cấu áo đường:

- Kết cấu áo đường mềm thiết kế theo tiêu chuẩn TCCS 38:2022/TCĐBVN;

- Kết cấu mặt đường thiết kế có tầng mặt cấp cao A1, tải trọng trục tính toán 100KN, thời hạn thiết kế ≥ 10 năm:

+ Kết cấu áo đường mới (KC1), từ trên xuống dưới: Bê tông nhựa chặt BTN C16 dày 7cm; tưới thấm bám bằng nhũ tương nhựa đường CSS-1, tiêu chuẩn 1,0 kg/m2; móng cấp phối đá dăm lớp trên (loại I) đầm chặt K98, dày 15cm; móng cấp phối đá dăm lớp dưới (loại II) đầm chặt K98, dày 25cm; lớp cát đầm chặt K98 dày 30cm;

+ Kết cấu áo đường tăng cường (KC2), từ trên xuống dưới: Bê tông nhựa chặt BTN C16 dày 7cm; tưới thấm bám bằng nhũ tương nhựa đường CSS-1, tiêu chuẩn 1,0 kg/m2; Bù vênh bằng cấp phối đá dăm lớp trên (loại I); mặt đường hiện trạng làm sạch, tạo nhám.

f) Thiết kế thoát nước:

- Xây dựng hệ thống thoát nước dọc U400,U600,U800 dọc tuyến tải trọng HL93 đấu nối vào hệ thống thoát nước hiện trạng;

- Cấu tạo rãnh, cống thoát nước, hố ga thu, hố ga thăm:

+ Kết cấu rãnh đúc sẵn: Đệm móng đá 2x4 dày 10cm; Thân rãnh bằng BTCT lắp ghép mác 250 đá 1x2; Tấm đan rãnh BTCT lắp ghép mác 250 đá 1x2.

+ Kết cấu ga xây gạch: Thân ga bằng gạch không nung M75 xây VXM M75,

bên trong trát VXM M75 dày 2cm; Móng ga bằng BTXM M150 đá 2x4 dày 15cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; Tấm đan và xà mũ ga bằng BTCT M250 đá 1x2; tấm đan ga dày 15cm được đúc sẵn và lắp ghép, nắp ga bằng Composite kích thước 850x820mm tải trọng 25T.

+ Ga thu trực tiếp: Thành ga, đáy ga bằng BTCT M250 đá 1x2; đệm đá dăm 2x4 dày 10cm; song chắn rác bằng Composite kích thước 960x530mm, tải trọng 25T; sử dụng ống HDPE D300 đấu nối từ ga thu trực tiếp sang rãnh, ga thu thăm rãnh.

g) Thiết kế an toàn giao thông:

- Thiết kế an toàn giao thông trên tuyến bằng vạch sơn tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2024/BGTVT.

9. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng: Theo các quy chuẩn tiêu chuẩn hiện hành của nhà nước.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án: **16.000.000.000** đồng (*Bằng chữ: Mười sáu tỷ đồng)*. Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, TĐC:	1.300.000.000	đồng
- Chi phí xây dựng:	12.814.918.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	274.752.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.004.470.000	đồng
- Chi phí khác:	168.718.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	437.142.000	đồng

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026-2028

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thực hiện theo Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 10/12/2025; Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng

14. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh.

Điều 2. Chủ đầu tư, các phòng, ngành của xã và đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế xã, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã; Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc nhà nước khu vực IV; Đơn vị tư vấn và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Ngô Quang Anh